

CÁC ĐIỂM CHÍNH VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 10 THÁNG NĂM 2019

Lạm phát tháng 10 2019 tăng 0,59% so với tháng trước đó và tăng 2,24% so với cùng kỳ năm 2018. Tháng 10 là tháng có mức tăng CPI cao nhất tính từ tháng 2 2019. Nguyên nhân của mức tăng mạnh trong tháng 10 chủ yếu từ việc tăng giá thực phẩm (tăng 1,57%) do giá thịt lợn tăng. Tuy nhiên các dự báo cho thấy lạm phát cả năm 2019 sẽ ở mức 2,6% tới 2,7% thấp hơn đáng kể so với mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 3,5%. Bên cạnh lạm phát chung, lạm phát lõi cũng được dự báo ở mức 1,9% tới 2% cho cả năm 2019.

Dự trữ ngoại hối tại thời điểm cuối tháng 10 2019 là trên 73 tỷ USD, mức cao nhất từ trước tới nay, tuy nhiên mức dự trữ ngoại hối hiện tại tương đương 4 tháng nhập khẩu, thấp hơn mức dự trữ tương đương 5-6 tháng nhập khẩu được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) khuyến cáo (bình quân các nước ASEAN có dự trữ ngoại hối tương đương 6-8 tháng nhập khẩu). Xu hướng dự trữ ngoại hối sẽ tiếp tục tăng trong quý 4 2019 khi dòng tiền vào Việt nam chưa thấy dấu hiệu suy giảm và mua USD đưa vào dự trữ vẫn là biện pháp trung hòa được Ngân hàng Nhà nước sử dụng.

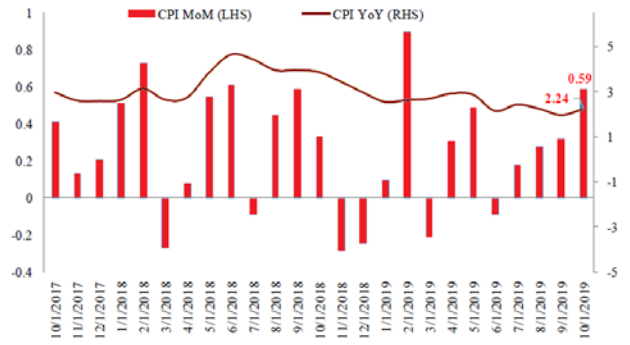
Hoạt động đầu tư công đã có gia tăng trong các tháng cuối quý 3 và tháng 10 2019. Đầu tư sử dụng vốn ngân sách trong tháng 10 tăng 8% so với tháng 9, sau 10 tháng đầu tư từ ngân sách đạt 69,2% kế hoạch năm và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách chưa đạt kỳ vọng khi cùng kỳ năm 2018 vốn giải ngân đạt 70,3% kế hoạch năm và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ giá, lãi suất không có các biến động đặc biệt trong kỳ. Tại thời điểm cuối tháng 10 2019, Đồng Việt Nam đang có sự ổn định rõ rệt nhất so với USD so sánh với các đồng tiền các nước trong khu vực (tăng giá 0,03% so với thời điểm đầu năm). Tỷ giá tiếp tục ổn định trong quý 4 2019.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ 2020

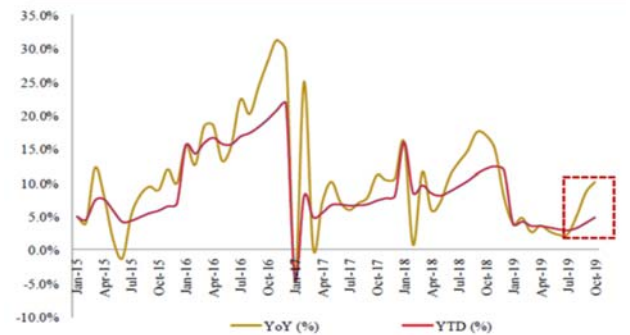
Trong kỳ họp bắt đầu từ ngày 21/10/2019, Quốc hội sẽ xem xét và phê duyệt mục tiêu phát triển kinh tế cho năm 2020 đã được Chính phủ đệ trình. Dựa trên các số liệu được công bố, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2020 không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2019, đặc biệt đối với các chỉ tiêu lớn như kiểm soát lạm phát, tăng trưởng GDP và tăng trưởng xuất khẩu có sự tương đồng rất lớn. Các mục tiêu được đặt ra cho năm 2020 cho thấy Chính phủ đang đặt ra mục tiêu tăng trưởng cao trong bối cảnh kinh tế và thương mại thế giới đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại. Mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% cho năm 2020 của Chính phủ đang cao hơn các dự báo của các tổ chức kinh tế lớn (kỳ vọng kinh tế Việt nam sẽ tăng trưởng chậm hơn ở mức 6,5% do ảnh hưởng từ chu kỳ chung của kinh tế thế giới). Để đạt được mục tiêu tăng trưởng này, có thể nhận thấy Chính phủ sẽ sử dụng chính sách tài khóa (triển khai đầu tư công) để thúc đẩy tăng trưởng và sử dụng chính sách tiền tệ linh hoạt để duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, Chính phủ hiện đang có nhiều dư địa chính sách (cả về tài khóa và tiền tệ) để điều tiết tăng trưởng. Bên cạnh đó, việc cải cách thể chế đã bắt đầu có kết quả khi hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế đã tăng lên. Các dự báo của các tổ chức quốc tế cho thấy Việt nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt (trung bình 6,5%/năm) trong môi trường lạm phát ổn định (dưới 4%) và đồng Việt nam giảm giá nhẹ so với USD trong giai đoạn tới 2022.

BIẾN ĐỘNG LẠM PHÁT CÁC THÁNG VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%) GIAI ĐOẠN 2017 – 2019



Nguồn: GSO

TĂNG TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÔNG SO VỚI ĐẦU NĂM VÀ NĂM TRƯỚC (%) GIAI ĐOẠN 2015 – 2019



Nguồn: GSO

DỰ BÁO KẾT QUẢ 2019 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2020

	Đạt	Vượt	Kế hoạch năm 2019 (%)	Ước thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu 2020 (%)
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)			6,6 - 6,8	6,8	≈6,8
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân			≈4	2,7 - 3	<4
Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu			7 - 8	7,9	7
Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu			<3	Xuất siêu 0,4	<3
Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP			33 - 34	33,8	33 - 34
Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều			1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5
Riêng các huyện nghèo giảm			4	>4	4
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị			<4	3,12	<4
Tỷ lệ lao động qua đào tạo			60 - 62	61 - 62	65
Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ			24 - 24,5	≈ 24	25
Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)			27 giường	27,5	28
Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế			88,1	89,3	90,7
Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường			89	89	90
Tỷ lệ che phủ rừng			41,85	41,85	42

Nguồn: Chính phủ

TIÊU DÙNG CÁ NHÂN LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Kinh tế Việt Nam đã được hưởng lợi từ việc gia tăng xuất khẩu (giá trị xuất khẩu tương đương 100% GDP trong các năm gần đây), tuy nhiên tiêu dùng cá nhân trong nước lại là động lực chính cho tăng trưởng GDP, là cấu phần đóng góp nhiều nhất (ở mức 75% trong 15 năm trở lại đây) vào tăng trưởng GDP chung. Giá trị tiêu dùng cá nhân trong giai đoạn 2007-2018 tương đương 65% tới 68% GDP (xem đồ thị). Tiêu dùng cá nhân có mức tăng trưởng bình quân 7,5%/năm. Tốc độ tăng trưởng giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ luôn ở mức trên 10%/năm trong giai đoạn 2015-2019. Có thể nhận thấy các lý do chính dẫn tới việc gia tăng tiêu dùng cá nhân trong giai đoạn vừa qua đến từ: i. Tỷ lệ thất nghiệp thấp ở mức 1,8% tới 2,4% trong giai đoạn 2011-2019 và ổn định ở mức 2,2% trong giai đoạn 2017-2019, tỷ lệ thất nghiệp quý 1 2019 là 2,17% tương đương 1,1 triệu lao động trong tổng số 48,8 triệu người trong độ tuổi lao động; ii. Gia tăng lương bình quân: Với việc tăng lương tối thiểu liên tục qua các năm, sức mua đã được gia tăng (xem đồ thị). Tới quý 3 2019, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 6,6 triệu đồng, tăng trên 100% với với lương bình quân vào quý 1 2011, tương đương mức tăng lương bình quân 8%/năm trong giai đoạn nêu trên; iii. Việc đô thị hóa và thay đổi công việc: Cùng với xu hướng đô thị hóa, người lao động có xu hướng rời bỏ các công việc nông nghiệp và tham gia các hoạt động sản xuất và dịch vụ mang lại thu nhập cao hơn tại các đô thị; và iv. Sự gia tăng tầng lớp trung lưu tại Việt Nam: với xu hướng dự báo tầng lớp trung lưu sẽ gia tăng từ 15 triệu người (16% dân số) vào năm 2018 lên mức 23 triệu người (23% dân số) vào năm 2025. Các xu hướng trên đây đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ và xu hướng gia tăng tiêu dùng cá nhân sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên đi cùng với việc gia tăng tiêu dùng là số dư tín dụng cá nhân cũng gia tăng với tốc độ lớn (số dư tín dụng do các công ty tín dụng cá nhân cung cấp tại thời điểm cuối năm 2018 là 110 nghìn tỷ đồng), cần có sự kiểm soát phù hợp từ Chính phủ.

TỈ TRỌNG CỦA TIÊU DÙNG CÁ NHÂN TRONG GDP THỰC TẾ (%) GIAI ĐOẠN 2007-2018



Nguồn: CEIC

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG HÀNG THÁNG (VN ĐỒNG) GIAI ĐOẠN 2011-2019



Nguồn: CEIC